

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA PA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16-6-2023

"Về việc ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thanh Hồng.

2. Bà Võ Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Uy -Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2023, về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Th**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện Ia, tỉnh G. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phạm Thế V**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện Ia, tỉnh G. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Phạm Thế V chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/1997 tại UBND xã C, huyện Ia trên cơ sở tự nguyện. Trong cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trách nhiệm trong gia đình. Mặt khác ông V không lo làm việc, không lo cho hạnh phúc gia đình mà thường hay uống rượu, say sấn, đánh đập, xúc phạm vợ. Hiện

vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân 06 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà Th thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông Phạm Thế V.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Quốc Th, sinh ngày 06/10/1997, Phạm Thị Mai T, sinh ngày 13/11/2000 và Phạm Quốc Th1, sinh ngày 20/6/2003, hiện các con đã trưởng thành và tự lập được nên bà Th không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2023 bị đơn ông Phạm Thế V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thế V xác định ông và bà Nguyễn Thị Hồng Th chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1997 tại UBND xã C, huyện Ia trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, ông V không thừa nhận các mâu thuẫn như bà Th trình bày, lý do mâu thuẫn vợ chồng là rất nhỏ, chỉ là chuyện xích mích hàng ngày, không nghiêm trọng đến mức vợ chồng phải ly hôn. Ông V vẫn còn tình cảm với bà Th và muốn giữ hạnh phúc gia đình cho con cháu nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông V xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Quốc Th, sinh ngày 06/10/1997, Phạm Thị Mai T, sinh ngày 13/11/2000 và Phạm Quốc Th1, sinh ngày 20/6/2003, hiện các con đã trưởng thành và tự lập được nên không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông V không có ý kiến và yêu cầu gì.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Th được ly hôn với ông Phạm Thế V.

Về con chung: Hiện các con đã thành niên, tự lập được bà Th và ông V đều không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Th và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Phạm Thế V có địa chỉ tại: Thôn V, xã C, huyện Ia, tỉnh G. Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Bị đơn ông Phạm Thế V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông V có yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục số 52). Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Thế V là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Phạm Thế V xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/1997 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ia, tỉnh G (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01 ngày 13/01/1997 của UBND xã C), theo quy tại khoản 1, khoản 5 Điều 3 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng quy định, Tòa án chỉ giải quyết cho ly hôn nếu “*...có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình sống chung giữa bà Th và ông V đã nảy sinh mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Theo bà Th thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trách nhiệm trong gia đình, ngoài ra ông V còn hay uống rượu say sưa, đánh đập, xúc phạm vợ nên bà Th đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn. Hiện vợ chồng đã sống ly thân 06 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông V. Quá trình giải quyết vụ án ông V không đồng ý ly hôn và không thừa nhận các mâu thuẫn như bà Th trình bày, theo ông V lý do mâu thuẫn vợ chồng là rất nhỏ, chỉ là chuyện xích mích hàng ngày, không nghiêm trọng đến mức vợ chồng phải ly hôn. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên

nhân mâu thuẫn gia đình ngày 12/5/2023 tại địa phương thể hiện: “Chính quyền địa phương có nghe vợ chồng mâu thuẫn nên bà Th làm đơn xin ly hôn ông V, tuy nhiên cả hai vợ chồng đều không yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải; ngoài ra ông V thường hay uống rượu”. Xét thấy, ông V không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông V lại không tích cực và có biện pháp níu kéo, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải để động viên, khuyên bảo vợ chồng bà Th, ông V bỏ qua mâu thuẫn về đoàn tụ gia đình nhưng không thành bởi vì ông V không hợp tác, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Điều này chứng tỏ ông V không còn coi trọng, quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng, không có thiện chí muốn níu kéo, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và không muốn tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc với bà Nguyễn Thị Hồng Th nữa.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Phạm Thế V sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà Th đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn ông V, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th xử cho bà Nguyễn Thị Hồng Th được ly hôn với ông Phạm Thế V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Phạm Thế V xác nhận vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Quốc Th, sinh ngày 06/10/1997, Phạm Thị Mai T, sinh ngày 13/11/2000 và Phạm Quốc Th1, sinh ngày 20/6/2003, hiện các con đều đã trưởng thành và tự lập được. Bà Th và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Phạm Thế V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Pa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Th được ly hôn với ông Phạm Thế V.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Phạm Thế V có 03 con chung tên Phạm Quốc Th, sinh ngày 06/10/1997, Phạm Thị Mai T, sinh ngày 13/11/2000 và Phạm Quốc Th1, sinh ngày 20/6/2003. Hiện các con đều đã trưởng thành và tự lập được nên bà Th và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Hồng Th và ông Phạm Thế V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000625, ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai. Bà Th đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Pa;
- Các đương sự ;
- Chi cục THADS huyện Ia Pa;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thắng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trịnh Thị Thanh Hồng

Võ Thị Thu Thủy

Lê Văn Thắng

